

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2022.
V/v: “Ly hôn giữa chị T và anh T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà.

Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/03/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/04/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T1; Sinh năm: 1988(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm Hoa Tân, thôn Trí An, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Chị Vũ Thị Thu T; Sinh năm: 1991(*Vắng mặt*)

Nơi ĐKKHKT: Xóm Hoa Tân, thôn Trí An, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Xóm Xuân Tiên, thôn Cổ Ra, xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/03/2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 03/03/2022 và trong toàn bộ quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh và chị Vũ Thị Thu T kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện và

có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách. Từ tháng 6/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ Thị Thu T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vũ Tuệ L, sinh ngày 18/6/2018. Hiện cháu Lâm đang ở cùng chị T. Nay ly hôn, anh đề nghị nhường quyền nuôi con chung cho chị T và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 16/03/2022, bị đơn chị Vũ Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không thể hòa hợp. Đến tháng 7/2018, chị về nhà mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh T1 xin ly hôn, chị nhất trí vì nếu có tiếp tục chung sống cũng không đảm bảo hạnh phúc. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vũ Tuệ L, sinh ngày 18/6/2018. Hiện cháu Lâm đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được quyền nuôi con chung và chị yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu T; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vũ Tuệ L, sinh ngày 18/6/2018. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung

đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn; Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Nguyễn Văn T1 kết hôn vào ngày 08 tháng 01 năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2018 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, chị T đồng ý. Hội đồng xét xử thấy cuộc hôn nhân giữa anh T1 và chị T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Vũ Tuệ L, sinh ngày 18/6/2018. Hiện con chung đang ở cùng chị T. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy: để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, tiếp tục giao con chung Tuệ L cho chị T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Vũ Tuệ L, sinh ngày 18/6/2018. Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004567 ngày 03/03/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Vũ Thị Thu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

